

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 564/MN 7
V/v điều chỉnh, phân bổ bổ sung
dự toán chi NSNN năm 2024

Tân Bình, ngày 25 tháng 11 năm 2024

**ĐIỀU CHỈNH-PHÂN BỐ BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NSNN
NĂM 2024**

Kính gửi: Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Tân Bình

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về điều chỉnh, phân bổ bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước hiện hành;

Trường Mầm non 7 điều chỉnh, phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 như sau (đính kèm mẫu biểu số 49).

Đề nghị Phòng Tài chính – Kế hoạch thẩm tra Phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Trường Mầm non 7.

Nơi nhận:

- Như trên;
- KBNN QTB;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Dung



Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON 7

Mẫu biểu số 49

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo quyết định số: 683/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND quận Tân Bình)

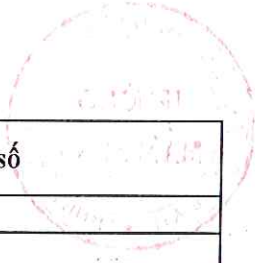
Chương: 622

Loại: 070

Khoản: 071

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
A	B	I
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	965.094.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Trong đó: kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương (nguồn 14)	
	Trong đó: kinh phí thực hiện Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	965.094.000
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
	- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	92.094.000
	- Kinh phí tăng quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/NĐ-CP	92.094.000
2.3	Nguồn cải cách tiền lương	873.000.000
	Trong đó: kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương theo Nghị định số 73/NĐ-CP (nguồn 14)	404.000.000
	Trong đó: kinh phí tăng dự toán chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND (nguồn 14)	469.000.000
	- Nguồn cải cách tiền lương ngân sách phân bổ	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	



STT	Nội dung	Tổng số
6	Chi sự nghiệp kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	1049735
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	